

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho Giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày 31/12/2011 gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Đức Thanh	Chủ tịch
Bà Lưu Thị Thanh Mai	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Hoài Thương	Thành viên
Bà Bùi Thị Hồng Nhung	Thành viên

##### **Ban Giám đốc**

Ông Bùi Đức Thanh	Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Giám đốc
Ông Phạm Bá Huy	Phó Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 20, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Bùi Đức Thanh**  
Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2012

**Văn phòng Hà Nội :**

P. 1401, Tòa nhà 17T5, Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội

Tel: (84 4) 6 2811 488

Fax: (84 4) 6 2811 499

E-mail: [contact@krestonaca.vn](mailto:contact@krestonaca.vn)

[www.krestonaca.vn](http://www.krestonaca.vn)

Số. 52/BCKT 2012-Kreston ACA

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

**Kính gửi:** Các cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011 từ trang 04 đến trang 20 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng liên quan đến số dư khoản mục trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 10.369.511.821 đồng. Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được đúng đắn số dư trả trước cho người bán tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

#### **Hạn chế trong xử lý kế toán**

Khoản cho vay đối với Ông Lưu Công Cường (là em trai của Bà Lưu Thị Thanh Mai - thành viên Hội đồng Quản trị) như đã được trình bày tại Thuyết minh số 6 – Đầu tư tài chính ngắn hạn của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, cũng như tùy thuộc vào việc phê duyệt của Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị về khoản cho vay đối với Ông Lưu Công Cường, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Trần Văn Thức**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0554/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA VIỆT NAM**  
*Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012*

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters, positioned above a horizontal line.

**Nguyễn Anh Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1379/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	04/01/2011
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>52.149.485.742</b>	-
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>7.412.916.351</b>	-
1. Tiền	111		5.412.916.351	-
2. Các khoản tương đương tiền			2.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>5.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	-
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.204.127.254</b>	-
1. Phải thu khách hàng	131		13.547.027.943	-
2. Trả trước cho người bán	132		10.369.511.821	-
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>8</b>	1.287.587.490	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>12.432.442.137</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		12.432.442.137	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>9</b>	<b>2.100.000.000</b>	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.100.000.000	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>61.422.883.298</b>	-
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51.473.605.508</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>10</b>	<b>51.473.605.508</b>	-
- Nguyên giá	222		59.873.544.245	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.399.938.737)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>6.010.000.000</b>	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.010.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.939.277.790</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	3.939.277.790	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>113.572.369.040</b>	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	04/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3.318.673.648</b>	-
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.318.673.648</b>	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.267.660.499	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		51.013.149	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>110.253.695.392</b>	-
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>110.253.695.392</b>	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.680.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.573.695.392	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>113.572.369.040</b>	-



Bùi Đức Thanh  
Giám đốc  
Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Mẫu B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 04/01/2011 đến 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	44.576.826.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		44.576.826.518
4. Giá vốn hàng bán	11	16	17.831.675.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.745.150.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	352.109.400
7. Chi phí tài chính	22		-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.395.303.770
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		24.701.956.299
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.701.956.299
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	2.470.195.629
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.231.760.670
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	2.595



Bùi Đức Thanh  
Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011  
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 04/01/2011 đến 31/12/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1		24.701.956.299
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2		3.490.781.521
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(352.109.400)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		27.840.628.420
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(8.247.333.534)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.209.997.862)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		701.922.032
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.380.058.879)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(644.890.814)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>15.060.269.363</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.520.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.109.400
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(10.517.890.600)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>4.542.378.763</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>2.870.537.588</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70		<b>7.412.916.351</b>



Bùi Đức Thanh  
Giám đốc  
Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Gia Long là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp Đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300208618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2011 với vốn Điều lệ là 85.680.000.000 đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là người.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu; Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế; Tư vấn các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản; Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng; Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng; Mua bán hóa chất, vật tư phân bón phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

**Chi phí xây dựng dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**Các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất phục vụ sản xuất kinh doanh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí sửa chữa đường vào Mô Bản Mế. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và các quy định kế toán hiện hành. Phần chi phí sửa chữa đường vào Mô Bản Mế phát sinh trong năm nay và được Công ty phân bổ trong vòng 3 năm.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán

theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Công văn số 161 CT/TT&HT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với thuế TNDN, Công ty được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 06 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011 VND	04/01/2011 VND
Tiền mặt	704.882.265	-
Tiền gửi ngân hàng	4.708.034.086	-
Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.412.916.351</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai theo hợp đồng tiền gửi số 01/2011- HĐTG ngày 30/12/2011 với số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất gửi 6%/năm, thời hạn gửi là 01 tuần, với hình thức trả lãi là trả lãi sau, lãi nhập gốc.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011 VND	04/01/2011 VND
Cho vay ngắn hạn (*)	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm các khoản:

(i): Khoản tiền cho Ông Lưu Công Cường (là em trai của Bà Lưu Thị Thanh Mai - thành viên Hội đồng Quản trị) vay bằng tiền mặt theo hợp đồng vay tiền ngày 25 tháng 06 năm 2011, với số tiền 03 tỷ đồng, lãi suất là 14%/năm. Thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày nhận nợ, lãi trả một lần vào ngày trả gốc, được điều chỉnh 6 tháng một lần. Hoạt động cho vay này chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua.

(ii): Khoản tiền cho Ông Đặng Quốc Chính vay bằng tiền mặt theo hợp đồng vay tiền ngày 30 tháng 06 năm 2011, với số tiền 02 tỷ đồng, lãi suất là 14%/năm. Thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày nhận nợ, lãi trả một lần vào ngày trả gốc, được điều chỉnh 6 tháng một lần.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011 VND	04/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	477.832.672	-
Công cụ, dụng cụ	233.384.694	-
Hàng hóa	11.721.224.771	-
<b>Cộng</b>	<b>12.432.442.137</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	04/01/2011 VND
Phải thu các đội trong Mỏ(*)	937.587.490	-
Phải thu tiền lãi Ông Nguyễn Công Cường	210.000.000	-
Phải thu tiền lãi Ông Đặng Quốc Chính	140.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.287.587.490</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản phải thu của đội trong Mỏ Bản Mế và Mỏ Pácta.

## 9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	04/01/2011 VND
Tạm ứng (*)	2.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Chủ yếu và các khoản tạm ứng vào cuối năm cho các cá nhân đi thực hiện dự án mỏ.

## 10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 04/01/2011	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	50.449.770.032	8.240.077.635	1.040.295.578	143.401.000	59.873.544.245
Tăng do chuyển đổi	50.449.770.032	8.240.077.635	1.040.295.578	143.401.000	59.873.544.245
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<b>50.449.770.032</b>	<b>8.240.077.635</b>	<b>1.040.295.578</b>	<b>143.401.000</b>	<b>59.873.544.245</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 04/01/2011	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	4.471.733.760	2.744.508.399	1.040.295.578	143.401.000	8.399.938.737
Khấu hao trong kỳ	2.399.988.000	799.975.080	244.724.021	46.094.420	3.490.781.521
Tăng do chuyển đổi	2.071.745.760	1.944.533.319	795.571.557	97.306.580	4.909.157.216
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<b>4.471.733.760</b>	<b>2.744.508.399</b>	<b>1.040.295.578</b>	<b>143.401.000</b>	<b>8.399.938.737</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 04/01/2011	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<b>45.978.036.272</b>	<b>5.495.569.236</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.473.605.508</b>

Tổng nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 1.183.696.578 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT LIÊN DOANH**

	31/12/2011 VND	04/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	6.010.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.010.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (vốn Điều lệ là 50 tỷ đồng). Theo Đăng ký kinh doanh, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai chiếm 49% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình. Số vốn tăng thêm trong năm theo cam kết góp vốn đã được ký kết giữa hai bên.

	Mã cổ phiếu	31/12/2011		04/01/2011	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Gia Long Hoà Bình		601.000	6.010.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>601.000</b>	<b>6.010.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011 VND	04/01/2011 VND
Công cụ - dụng cụ chờ phân bổ	1.724.864.129	-
Chi phí sửa chữa đường vào Mỏ Bản Mế	2.214.413.661	-
<b>Cộng</b>	<b>3.939.277.790</b>	<b>-</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011 VND	04/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.182.140.714	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.085.519.785	-
<b>Cộng</b>	<b>3.267.660.499</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 04/01/2011	-	-	-
Tăng trong kỳ	85.680.000.000	24.573.695.392	110.253.695.392
- Tăng vốn	-	-	-
- Tăng do chuyển đổi	85.680.000.000	2.341.934.722	88.021.934.722
- Lãi	-	22.231.760.670	22.231.760.670
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	<u>85.680.000.000</u>	<u>24.573.695.392</u>	<u>110.253.695.392</u>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2011**

Cổ đông	Cơ cấu sở hữu			Trong đó		Giá trị vốn thực góp tại 31/12/2011 VND
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị VND	CP phổ thông	CP ưu đãi	
Ông Bùi Đức Thanh	1.400.000	16,34	14.000.000.000	1.400.000	-	14.000.000.000
Bà Lưu Thanh Mai	800.000	9,34	8.000.000.000	800.000	-	8.000.000.000
Những cổ đông khác	6.368.000	74,32	63.680.000.000	6.368.000	-	63.680.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.568.000</b>	<b>100</b>	<b>85.680.000.000</b>	<b>8.568.000</b>	<b>-</b>	<b>85.680.000.000</b>

**Cổ phiếu**

31/12/2011

Cổ phiếu

**Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành****Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng**

Cổ phiếu phổ thông

8.568.000

Cổ phiếu ưu đãi

**Số lượng cổ phiếu được mua lại**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi

**Số lượng cổ phiếu đang lưu hành**

Cổ phiếu phổ thông

8.568.000

Cổ phiếu ưu đãi

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Từ 04/01/2011

đến 31/12/2011

VND

Doanh thu bán hàng hóa

31.795.723.166

Doanh thu cung cấp dịch vụ

12.781.103.352

**Cộng****44.576.826.518**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Từ 04/01/2011  
đến 31/12/2011  
VND

Giá vốn bán hàng hóa	7.083.068.414
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.748.607.435
<b>Cộng</b>	<b>17.831.675.849</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Từ 04/01/2011  
đến 31/12/2011  
VND

Lãi tiền gửi ngân hàng	2.109.400
Lãi tiền cho vay	350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>352.109.400</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Từ 04/01/2011  
đến 31/12/2011  
VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	24.701.956.299
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Lỗi năm trước chuyển sang	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>24.701.956.299</b>
Thuế suất áp dụng (*)	10%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.470.195.629</b>
Thuế thu nhập hoãn lại	-
<b>Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.470.195.629</b>

(\*) Theo Công văn số 161 CT/TT&HT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với thuế TNDN, Công ty được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 06 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 04/01/2011 đến 31/12/2011</b>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.231.760.670
+ Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.231.760.670
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.568.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.595

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 04/01/2011 đến 31/12/2011 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.228.920.308
Chi phí nhân công	8.568.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.490.781.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.114.910.365
Chi phí khác bằng tiền	1.824.367.425
<b>Cộng</b>	<b>20.226.979.619</b>

**21. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan: Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đầu tư vào Công ty TNHH Gia Long Hoà Bình, chiếm 49% vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh và cho Ông Lưu Quốc Cường vay với số tiền 3.000.000.000 đồng.

<b>Cho vay ngắn hạn</b>	<b>Từ 04/01/2011 đến 31/12/2011 VND</b>
Cho ông Lưu Quốc Cường vay (*)	3.000.000.000

(\*) Ông Lưu Quốc Cường là em của Bà Lưu Thị Thanh Mai - Ủy viên Hội đồng Quản trị.

<b>Bán hàng</b>	<b>Từ 04/01/2011 đến 31/12/2011 VND</b>
Bán hàng cho Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	12.593.499.220

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Số dư với các bên liên quan*

	<u>31/12/2011</u> VND
<b>Các khoản phải thu</b>	
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	585.969.220
<b>Các đầu tư ngắn hạn</b>	
Ông Lưu Quốc Cường	3.000.000.000

**23. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Hiện nay Công ty đang kết hợp với Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (là Công ty Liên kết) thực hiện khảo sát thiết kế Nhà máy cũng như đầu tư máy móc thiết bị cho việc xây dựng nhà xưởng để tiến hành khai thác vàng tại Khu vực Cao Rằm, Lương Sơn Hòa Bình. Công ty dự kiến Nhà máy hoàn thành và đưa vào sản xuất vào cuối quý 2 năm 2012.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**24.1. Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2011</u>	<u>04/01/2011</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.412.916.351	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.204.127.254	-
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	6.010.000.000	-
Tài sản tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u>43.627.043.605</u>	<u>-</u>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	51.013.149	-
Chi phí phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<u>51.013.149</u>	<u>-</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**24.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**24.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

***Quản lý rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24.3. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)***

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
Số dư cuối năm	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	51.013.149	-	51.013.149
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>51.013.149</b>	<b>-</b>	<b>51.013.149</b>
Số dư đầu năm	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
Số dư cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.412.916.351	-	7.412.916.351
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.204.127.254	-	25.204.127.254
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	6.010.000.000	6.010.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.617.043.605</b>	<b>6.010.000.000</b>	<b>43.627.043.605</b>
Số dư đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Đây là Báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần nên không có số liệu so sánh.



**Bùi Đức Thanh**  
Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2012

**Nguyễn Thị Hoa**  
Kế toán trưởng